TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2017/HSST
Ngày 20 - 12 - 2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quốc Huy

Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại Nhà văn hóa khu dân cư Cộng Hòa, thị trấn K Tòa án nhân dân huyện K xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 96/2017/HSST ngày 26 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị N (tên gọi khác: không), sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Tiến H và bà Nguyễn Thị P; Có chồng: Nguyễn Quang Đ (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1972; Trú tại: Xóm 3, thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị N bán hàng nước tại nhà ở của mình ở thôn N, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương. N và Nguyễn Thị là bạn học với nhau. Thỉnh thoảng P đến quán của N ngồi uống nước và nói chuyện. P đặt vấn đề với N, nếu có người muốn mua dâm thì N giới thiệu cho P, P sẽ trả công cho N bằng hình thức mua thẻ điện thoại nạp cho N. Khoảng hơn 13 giờ ngày 22/6/2017, đối tượng tự khai

là Phạm Văn T, sinh năm 1969, HKTT: thôn K, xã L, huyện K đến quán của N ngồi uống nước. T hỏi N: *Ở đây có em nào đi chơi không?*, thấy T hỏi như vậy thì N hiểu là T muốn đi mua dâm. N nói với T: *Đi nhà nghỉ hả anh, để em gọi điện cho đứa bạn em nó không có chồng?*. Sau đó, N lấy điện thoại di động Iphone 4 của N gọi vào điện thoại di động Masstel C205 của P và nói: *Tao có ông bạn, mày có đi chơi không?* P hiểu là N hỏi P có đi bán dâm cho khách không, P đồng ý và nói: *Mày cho số điện thoại đi rồi bảo họ đi đến nhà nghỉ Đ*. N tắt cuộc gọi và bảo T đi đến nhà nghỉ Đ, địa chỉ: Thôn H, xã H gặp P, rồi N đọc số điện thoại của P cho T lưu vào điện thoại của T. Sau đó, T thanh toán trả N 50.000 đồng tiền T mua nước, thuốc lá và 50.000 đồng tiền công N gọi điện thoại giới thiệu người bán dâm cho T, rồi T đi xe máy đến nhà nghỉ Đ do anh Phạm Văn Hải, sinh năm 1982, TQ: H, H đang làm quản lý. Trên đường đi, T gọi điện thoại cho P nói: *Em có đi nhà nghỉ với anh không?*, P trả lời: *Có, anh đến nhà nghỉ Đ trước, em đi xe đạp đến sau*. Khi T đi đến nhà nghỉ Đ thì gặp P đi xe đạp vừa đến. T thuê phòng 105 của nhà nghỉ Đ rồi cùng P vào phòng 105, P nói với T giá một lần P bán dâm là 200.000 đồng. T đưa cho P 450.000 đồng, bao gồm tiền 01 lần mua dâm, tiền thuê phòng là 70.000 đồng, số tiền 180.000 đồng còn lại T cho P. Hồi 13 giờ 40 phút cùng ngày, tại phòng 105 nhà nghỉ Đ, khi T và P đang chuẩn bị quan hệ tình dục thì bị Tổ công tác thuộc công an huyện K phối hợp với công an xã H kiểm tra phát hiện. Thu giữ tại phòng 105 một bao cao su chưa sử dụng và 01 vỏ bao cao su; thu giữ trong chiếc ví của P 03 bao cao su chưa sử dụng và số tiền 450.000 đồng.

Cùng ngày 22/6/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K tiến hành quản lý số tiền 100.000 đồng và chiếc điện thoại di động Iphone 4 do Nguyễn Thị N tự nguyện giao nộp; quản lý 01 điện thoại Masstel C205 do Nguyễn Thị P tự nguyện giao nộp. Đối với số tiền thuê nhà nghỉ 70.000 đồng P chưa thanh toán trả cho anh H, đến nay anh H có quan điểm đề nghị không nhận lại số tiền trên.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị N đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu liên quan đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 92/VKS-HS ngày 23 tháng 10 năm 2017, VKSND huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội Môi giới mại dâm theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị N vẫn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và cung cấp Huân chương kháng chiến hạnh nhì do Hội đồng Nhà nước tặng ông Nguyễn Tiến H vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống mỹ cứu nước, do vậy đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử, quyết định:

1- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội Môi giới mại dâm theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật hình sự.

2- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, khoản 1 và khoản 2 Điều 60 BLHS năm 1999, khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 328 BLHS năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo N cho UBND xã A giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Ngoài ra quan điểm của đại diện VKS còn đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết về vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị N đều đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng hơn 13 giờ ngày 22/6/2017, tại thôn N, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Thị N có hành vi dẫn dắt để cho Nguyễn Thị P và người tự khai là Phạm Văn T thực hiện hành vi mua bán dâm. Hồi 13 giờ 40 phút cùng ngày, tại phòng 105, nhà nghỉ Đ, địa chỉ: thôn H, xã H, huyện K, trong khi T và P đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Tổ công tác thuộc Công an huyện K phối hợp với công an xã H kiểm tra phát hiện. Hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội ***"Môi giới mại dâm"***, do vậy VKSND huyện K truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội đó của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, xâm phạm đến đạo đức, nếp sống văn minh văn hóa xã hội chủ nghĩa, sức khỏe của con người và là nguyên nhân làm lây nhiễm các loại vi rút gây bệnh nguy hiểm cho xã hội. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Xét quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thực hiện do lỗi cố ý, dẫn dắt để cho người mại dâm và người khác quan hệ tình dục với nhau, nên phải có một mức án phù hợp với hành vi và hậu quả của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng riêng và phòng ngừa chung. Song cũng nên xem xét bị cáo xuất thân từ thành phần lao động, phạm tội vì động cơ tư lợi, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo có bố (ông Nguyễn Tiến H) được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạnh nhì vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống mỹ cứu nước. Do vậy đối với bị cáo cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 01 và khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 "gia đình có công với nước" cùng áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 nên cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo là phù hợp. Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không. Do vậy, xét về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên xem xét chiếu cố, không cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội mà giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ đảm bảo giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Trong vụ án này, đối với Nguyễn Thị P có hành vi bán dâm, Công an huyện K đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 97/QĐ-XPHC ngày 29/6/2017 đối với P.

Đối với đối tượng tự khai là Phạm Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K tiến hành xác minh tại UBND xã L nhưng không có đối tượng nào tên là T có nhân thân như đối tượng tự khai, do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với anh Phạm Văn Hải, khi cho T và P thuê phòng nghỉ, anh H không biết các đối tượng thuê phòng để thực hiện hành vi mua bán dâm, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K không đặt ra việc xử lý về hình sự đối với anh H là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Tại điều luật có quy định song xét về điều kiện nhân thân của bi cáo nghĩ không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, công an đã thu giữ 550.000đ (trong đó: 100.000đ là tiền thu của N (50.000đ T trả N tiền thuốc nước, 50.000đ còn lại T đưa cho N tiền gọi điện thoại cho P); 450.000đ là thu của P gồm: tiền mua dâm một lần là 200.000đ, 180.000đ là tiền T cho P, 70.000đ là tiền thuê phòng). Thu giữ tại phòng 105 một bao cao su chưa sử dụng và 01 vỏ bao cao su; thu giữ trong chiếc ví của P 03 bao cao su chưa sử dụng. Cùng ngày 22/6/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K tiến hành quản lý chiếc điện thoại di động Iphone 4 do Nguyễn Thị N tự nguyện giao nộp; quản lý 01 điện thoại Masstel C205 do Nguyễn Thị P tự nguyện giao nộp. Đối với số tiền thuê nhà nghỉ 70.000 đồng P chưa thanh toán trả cho anh H, đến nay anh H có quan điểm đề nghị không nhận lại số tiền trên.

Xét số tiền 100.000đ là tiền thu của N (50.000đ T trả N tiền thuốc nước, 50.000đ còn lại T đưa cho N tiền gọi điện thoại cho P). Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo N tự nguyện sung quỹ Nhà nước cả số tiền 50.000đ T trả N tiền thuốc nước. Xét đây là sự tự nguyện của N nên cần chấp nhận.

Đối với số tiền 450.000đ là thu của P, trong đó có 200.000đ là tiền mua dâm và 70.000đ tiền thanh toán nhà nghỉ anh H không yêu cầu nhận lại nên cần sung quỹ Nhà nước là phù hợp; Đối với số tiền180.000đ là tiền T cho P không liên quan đến việc phạm tội nên cần tuyên trả cho P là phù hợp; Đối với số bao cao su và vỏ bao cao su bị thu giữ cần tịch thu cho hủy bỏ; Đối với hai chiếc điện thoại nêu trên là phương tiện sử dụng giao dịch trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước là phù hợp.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo phải chịu án phí hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội "Môi giới mại dâm".

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 255; Điểm h,p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Khoản 1,2 Điều 60 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 và khoản 1 Điều 328 BLHS năm 2015.

3. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, thời hạn được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị N về UBND xã A giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

4. Về biện pháp tư pháp: □p dụng điểm a,b khoản 1 Điều 41 BLHS; Khoản 1, điểm a,c,đ khoản 2, 3 Điều 76 BLTTHS.

Tuyên tịch thu cho tiêu huỷ 04 bao cao su và 01 vỏ bao cao su; Tuyên tịch thu 01 chiếc điện thoại di động Iphone 4 và 01 điện thoại Masstel C205 cho phát mại, sung quỹ Nhà nước; Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 370.000đ. Tuyên trả cho chị Nguyễn Thị P 180.000đ.

(Đều được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo N phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo; Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- Sở t- pháp tỉnh Hải D- ơng;
- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- L- u.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền